TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 90/2019/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 18 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Chị: Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Anh: Nguyễn Trần Minh N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trần Minh N và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Nay, anh N và chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh N và chị L.

[2] Về con chung: Anh N và chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh N và chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh N và chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh N, chị L mỗi người nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trần Minh N và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh N, chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N, chị L mỗi người phải chịu là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Do anh N, chị L mỗi người đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng nên được khấu trừ theo biên lai thu số 0001157 và 0001158 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh N, chị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***** Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng